

## NGHIÊN CỨU CẤU TRÚC VỐN CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY MIỀN TRUNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

A RESEARCH ON THE CAPITAL STRUCTURE OF TEXTILE ENTERPRISES  
IN CENTRAL REGION IN THE CURRENT PERIOD

**Bùi Nữ Thanh Hà**

*Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng*  
Email: buinuthanhhabk@gmail.com

**Đoàn Gia Dũng**

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*  
Email: dungdoangia@gmail.com

### TÓM TẮT

Theo chủ trương hiện nay của Nhà nước ta, việc nhanh chóng đưa Dệt may trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế Việt Nam được xem là vấn đề cấp thiết hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu trên việc nghiên cứu cấu trúc vốn của các doanh nghiệp Dệt may miền Trung là vấn đề cấp thiết và đang được nhiều đối tượng quan tâm. Bài viết này đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phân tích định lượng kết hợp với tình hình thực tế để thấy được cấu trúc vốn các doanh nghiệp Dệt may miền Trung trong năm năm gần đây. Thông qua cấu trúc vốn đó, các cơ quan chức năng sẽ có những định hướng, những giải pháp hợp lý cho tiến trình đẩy mạnh phát triển ngành Dệt may trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững.

Bản thân các doanh nghiệp Dệt may miền Trung cũng sẽ tự tính toán những bước đi sao cho cấu trúc vốn là hợp lý nhất trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Dệt may miền Trung; cấu trúc vốn; ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển bền vững; giải pháp hợp lý

### ABSTRACT

According to the current guidelines of the State of Vietnam, the promotion of textile industry is fast becoming a key economic sector in Vietnam's economy and considered to be one of the most important tasks. In achieving the above goal, the research focusing on the capital structure of the companies in the field of textile in the Central region is a pressing issue as well as an object of top concern. This article used the descriptive statistical method and quantitative analysis combined with quantitative practical situation to observe the capital structure of textile industry in Central Vietnam in the last 5 years. Through the actual conditions of the capital structure of the textile enterprises in the Central Vietnam, the Government will propose directions and appropriate measures to promote rapidly the development of textile industry. Garment industry will also become a central key economic sector with sustainable development. And the textile enterprises in the Central Vietnam will also take measures to create their capital structures in such a way that they are most appropriate in the current period.

**Key words:** Textile of the central region; capital structure; a key economic sector; sustainable development; reasonable solution

### 1. Đặt vấn đề

Để có thể đưa ngành Dệt may trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của khu vực miền Trung Tây nguyên, các nhà nghiên cứu và các cơ quan chức năng đã không ngừng nghiên cứu một cách toàn diện về mọi mặt trong hoạt động của các doanh nghiệp dệt may miền Trung.

Các doanh nghiệp dệt may thường phải vay vốn để đầu tư trang thiết bị và cả việc dùng để trang trải các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường niên.

Điều này đã dẫn đến việc trả lãi vay là một vấn đề rất quan trọng trong cấu trúc vốn của

doanh nghiệp. Với tình hình gia tăng nợ vay và lãi suất sẽ khiến các doanh nghiệp dệt may miền Trung bị thu hẹp lợi nhuận và hạn chế khả năng tiếp cận các đơn đặt hàng trọn gói mà ngành dệt may Việt Nam đang hướng đến ký kết với nước ngoài.

Do vậy việc xây dựng một cấu trúc vốn hợp lý đối với các doanh nghiệp dệt may miền Trung trong giai đoạn hiện nay đã trở thành vấn đề hết sức cần thiết.

### 2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

#### 2.1. Cơ cấu và xu hướng phát triển của các doanh nghiệp Dệt may miền Trung

### 2.1.1. Khái quát tình hình hiện nay của doanh nghiệp dệt may miền Trung

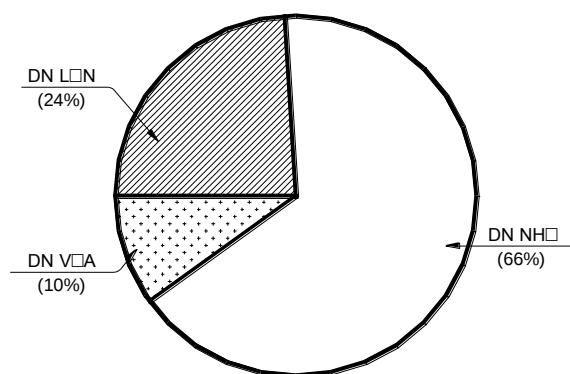
Hiện nay đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (gọi tắt là TPP) đối với ngành dệt may Việt Nam đang đi vào giai đoạn cuối. Với Hiệp định này đã tạo ra cho dệt may Việt Nam nói chung và dệt may miền Trung những cơ hội và thách thức nhất định.

Cho đến nay, miền Trung có số lượng doanh nghiệp dệt may chiếm khoảng gần 10% trong cả nước, nhưng tiềm năng phát triển dệt may rất thuận lợi. Với Hiệp định TPP, chắc chắn, sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp FDI bước vào thị trường dệt may miền Trung đặc biệt là thị trường dệt may Đà Nẵng.

Tuy nhiên, nếu các doanh nghiệp dệt may miền Trung thiếu cân nhắc tính toán các bài toán vay nợ và đầu tư kịp thời thì sẽ không khỏi vấp phải những khó khăn, thách thức về nguyên liệu, công nghệ, nhân lực và vốn đầu tư trên lộ trình mở cửa toàn bộ thị trường bán lẻ của Việt Nam đến năm 2016 theo cam kết gia nhập WTO, lộ trình hướng đến cộng đồng kinh tế ASEAN 2015... [1]

### 2.1.2. Cơ cấu ngành dệt may miền Trung theo quy mô

Nhìn chung sau 5 năm từ 2008 đến nay, cơ cấu doanh nghiệp dệt may ở miền Trung đều có xu hướng tăng về số lượng và cả chất lượng. Số lượng doanh nghiệp dệt may ở các tỉnh sau 5 năm tăng trong khoảng từ 1,0 ÷ 7,0 lần.



**Hình 1.** Cơ cấu ngành dệt may miền Trung theo quy mô

Nếu như năm 2008, số doanh nghiệp nhỏ chiếm tỷ trọng 79% thì đến năm 2012 tỷ trọng của nhóm doanh nghiệp nhỏ chỉ còn 66%. Bên

cạnh đó, năm 2008 số doanh nghiệp lớn đã tăng từ 15% lên đến 24%. Tương tự, số doanh nghiệp vừa cũng có cùng xu hướng với doanh nghiệp lớn đã tăng nhanh chóng từ 6% năm 2008 đã lên đến 10% vào năm 2012. Ta có thể thấy cơ cấu doanh nghiệp dệt may miền Trung theo quy mô qua Hình 1 [4].

### 2.1.3. Xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dệt may miền Trung [3]

Qua quan sát và nghiên cứu có thể khái quát được xu hướng phát triển các doanh nghiệp dệt may miền Trung như sau:

- \* Đang tăng cường mở rộng vùng nguyên liệu để tăng tính chủ động trong hoạt động xuất khẩu FOB hoặc ODM, EDM.

- \* Các tỉnh đều có xu hướng đổi mới, cải tiến công nghệ để tiến đến việc thực hiện tất cả các khâu của chuỗi giá trị dệt may từ sợi – sản xuất vải – may mặc.

- \* Số doanh nghiệp dệt may ngày càng gia tăng. Hoạt động của mỗi doanh nghiệp đều chú trọng nâng cao cả về chất và về lượng.

- \* Trong tổng các doanh nghiệp dệt may miền Trung thì chiếm hơn 85% các doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh đạt 15% - 20%. Nhiều doanh nghiệp đã có tỷ suất lợi nhuận bình quân lên đến 40%.

Đáng chú ý nhất là các doanh nghiệp : Xí nghiệp may Hà Quảng; CTCP Dệt May Phú Hòa An; CTCP Dệt May Huế; Công ty KAD Industrial S.A Việt Nam, CTCP Vinatex Đà Nẵng, Công ty Dệt Hòa Khánh; Tổng CTCP Dệt - may Hòa Thọ ; CTCP Dệt - may 29-3 ; CTCP May Bình Định; CTCP May xuất khẩu Phan Thiết... [3]

Với xu hướng như trên, Dệt may miền Trung đã dần dần khẳng định vai trò ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế chung của cả nước.

## 2.2. Nghiên cứu cấu trúc vốn của các doanh nghiệp dệt may miền Trung

### 2.2.1. Khung lý thuyết về cấu trúc vốn

Hiện nay tuy đang tồn tại một vài quan niệm khác nhau về cấu trúc vốn nhưng phần lớn trong các nghiên cứu đã công bố đều có cùng

quan niệm rằng cấu trúc vốn của doanh nghiệp là mối tương quan tỷ lệ giữa các khoản nợ phải trả và vốn chủ của doanh nghiệp.

Từ năm 1950 đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về cấu trúc vốn và các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn. Đáng chú ý nhất là phải kể đến nghiên cứu của hai giáo sư Franco Modigliani và Merton Miller vào năm 1958. Sau đó đến năm 1963, Modigliani và Miller tiếp tục đưa ra một nghiên cứu tiếp theo với việc tính đến ảnh hưởng của thuế thu nhập công ty.

Năm 1976, Jensen và Meckling đã nghiên cứu đưa ra lý thuyết chi phí đại diện. Năm 1997, đã xuất hiện nghiên cứu của Ross và nghiên cứu của Lyland, Pyle. Tiếp đến là lý thuyết chi phí khánh tận về tài chính của Myers và Majluf (1984).

Nói đến nợ phải trả có thể kể đến nhiều loại như vay dài hạn, vay ngắn hạn, các khoản phải trả cho các đối tượng. Song bài viết này xin giới hạn ở phạm vi nghiên cứu cấu trúc vốn là tương quan tỷ lệ giữa nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu. Việc lựa chọn và áp dụng các cấu trúc vốn khác nhau có thể làm thay đổi khả năng sinh lời và mức độ rủi ro của doanh nghiệp.

#### 2.2.2. Khảo sát, thu thập và xử lý số liệu

Bài viết này đã tiến hành khảo sát các

doanh nghiệp dệt may miền Trung có báo cáo tài chính đã kiểm toán, được thu thập từ Tổng cục Thống kê Việt Nam trong khoảng thời gian từ 2008 đến 2012[4].

Từ số liệu ban đầu, người phân tích tự sắp xếp và tính toán các chỉ tiêu phân tích chính gồm: Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (ký hiệu là D/E) ; Tỷ suất lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu; Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản.

Giá áp dụng để xác định chỉ tiêu tài chính là “Giá ghi sổ” theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### 2.2.3. Nhận định về cấu trúc vốn các doanh nghiệp dệt may miền Trung trong giai đoạn hiện nay

Khi thu thập và xử lý số liệu ban đầu về cơ cấu doanh nghiệp dệt may miền Trung theo hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (D/E), bài viết đã khảo sát thực tế để đưa ra 3 mức giới hạn cho Hệ số NPT/VCSH có tính phổ biến, thông dụng của ngành Dệt may là :

- + Nhóm 1 :  $D/E < 1$
- + Nhóm 2 :  $1 \leq D/E < 1,5$
- + Nhóm 3 :  $D/E \geq 1,5$

Tuy nhiên trong nhóm 3, một số doanh nghiệp có hệ số D/E rất lớn, có doanh nghiệp đạt hơn 20 lần. (Xem Bảng 1)

**Bảng 1.** Số doanh nghiệp dệt may toàn miền Trung phân theo hệ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu từ 2008- 2012

| Năm  | Tổng số DN | Theo tỷ lệ Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (D/E) |                 |              |               |                 |              |           |                 |              |
|------|------------|-----------------------------------------------|-----------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|-----------|-----------------|--------------|
|      |            | D/E < 1                                       |                 |              | 1 ≤ D/E < 1.5 |                 |              | D/E ≥ 1.5 |                 |              |
|      |            | Số DN                                         | Tăng trưởng (%) | Tỷ trọng (%) | Số DN         | Tăng trưởng (%) | Tỷ trọng (%) | Số DN     | Tăng trưởng (%) | Tỷ trọng (%) |
| 2008 | 255        | 161                                           |                 | 63,14        | 26            |                 | 10,20        | 68        |                 | 26,67        |
| 2009 | 336        | 233                                           | 44,72           | 69,35        | 18            | -30,77          | 5,36         | 85        | 25,00           | 25,30        |
| 2010 | 393        | 234                                           | 0,43            | 59,54        | 27            | 50,00           | 6,87         | 132       | 55,29           | 33,59        |
| 2011 | 415        | 245                                           | 4,70            | 59,04        | 44            | 62,96           | 10,60        | 126       | -4,55           | 30,36        |
| 2012 | 527        | 349                                           | 42,45           | 66,22        | 51            | 15,91           | 9,68         | 127       | 0,79            | 24,10        |

Từ Bảng 1 kết hợp với các nghiên cứu thực chứng, bài viết xin nhận xét về cấu trúc vốn của các DN dệt may miền Trung:

+ Xu hướng chung của ngành Dệt may miền Trung là nhóm doanh nghiệp có cấu trúc

vốn biểu hiện bằng hệ số D/E nhỏ hơn 1.

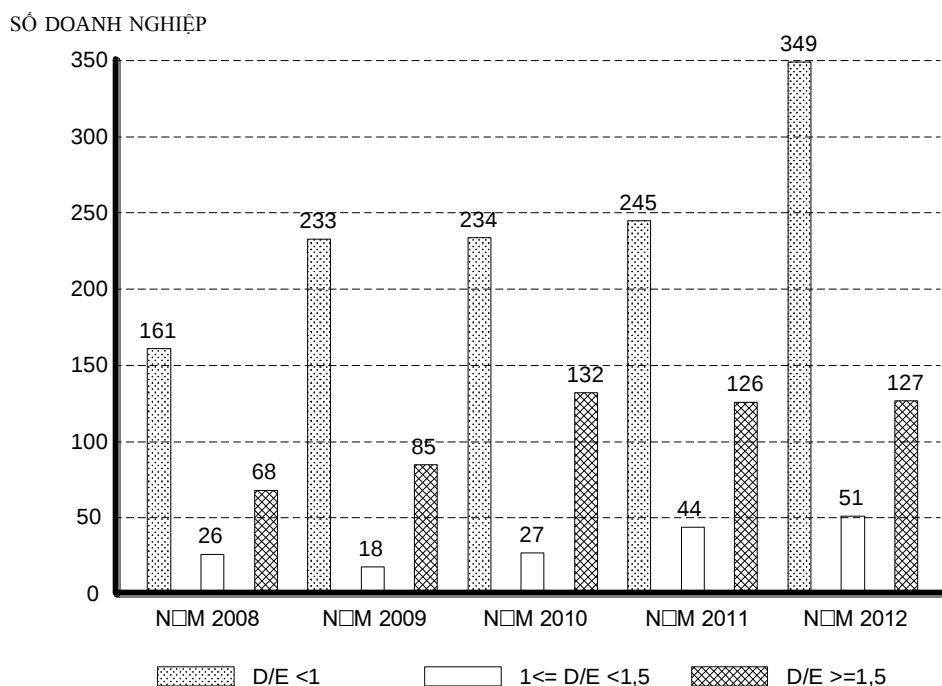
+ Trong năm 2012, doanh nghiệp dệt may nhóm có hệ số D/E < 1 chiếm đa số.

+ Nhóm thứ 2 là nhóm các doanh nghiệp dệt may có hệ số:  $1,0 < D/E < 1,5$ .

Những doanh nghiệp dệt may thuộc nhóm có hệ số D/E > 1,5 nhìn chung đều có xu hướng tăng dần qua các năm ngoại trừ một số tỉnh không tăng hoặc giảm như: tỉnh Quảng Trị sau 5 năm vẫn chỉ có 1 doanh nghiệp có hệ số D/E >

1,5; ở tỉnh Thừa Thiên Huế, Bình Định và Phú Yên lại có xu hướng giảm hơn so với năm trước.

Kết quả phân tích trên được biểu diễn qua minh họa theo Hình 2 như sau:



**Hình 2.** Biểu đồ Cơ cấu doanh nghiệp dệt may toàn miền Trung phân theo hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu từ 2008- 2012

### 3. Phân tích cấu trúc vốn của các doanh nghiệp dệt may miền Trung trong mối quan hệ với các nhân tố ảnh hưởng

#### 3.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp dệt may miền Trung

Về lý thuyết, có khá nhiều nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên sau khi nghiên cứu thực tế bằng phương pháp thực chứng và phỏng vấn, bài viết này chỉ đề cập đến 4 nhân tố cơ bản đó là: Quy mô doanh nghiệp biểu hiện bằng vốn chủ sở hữu (VCSH); Cấu trúc tài sản biểu hiện bằng tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản (TSDH/TTS); Hiệu quả kinh doanh biểu hiện qua chỉ tiêu ROA, ROE và đặc điểm kinh tế kỹ thuật biểu hiện bằng tỷ số lợi nhuận trên doanh thu

#### 3.2. Phương trình biểu diễn mối quan hệ giữa cấu trúc vốn các doanh nghiệp dệt may miền Trung với các nhân tố ảnh hưởng

##### 3.2.1. Mô hình nghiên cứu

Bài viết dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính bội của R.G. Rajan và L. Zingales (1995):

$$Y_i = \alpha + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \varepsilon_i$$

Nhưng khi sử dụng phần mềm SPSS để tính toán cần thỏa mãn điều kiện tiên quyết là các biến phải độc lập với nhau. Do vậy đề tài đã dùng hàm  $\ln X_i$  để biểu diễn mối quan hệ giữa hệ số nợ với các nhân tố:

$$Y_i = \alpha + \beta_1 \ln X_{1i} + \beta_2 \ln X_{2i} + \dots + \beta_n \ln X_{ni} + \varepsilon_i$$

Việc mã hóa biến cụ thể cho ở bảng sau:

**Bảng 2.** Mã hóa biến cấu trúc vốn và các nhân tố ảnh hưởng

| Nhân tố               | Biến mã hóa    |                    |
|-----------------------|----------------|--------------------|
|                       | Cách đo lường  | Biến mã hóa        |
| Quy mô doanh nghiệp   | Vốn CSH        | $\ln X_1$          |
| Cấu trúc tài sản      | TSDH / Tổng TS | $\ln X_2$          |
| Hiệu quả hoạt động KD | ROA; ROE       | $\ln X_3, \ln X_4$ |

|                      |            |                  |
|----------------------|------------|------------------|
| Đặc điểm ktế -kthuật | LN / DT    | LnX <sub>5</sub> |
| Cấu trúc vốn ( HSNO) | NPT / VCSH | LnY              |

### 3.2.2. Kết quả sử dụng phần mềm SPSS

Với số liệu từ 2008-2012, kết quả thu được từ phần mềm SPSS có mối quan hệ chặt chẽ và có ý nghĩa với nhau giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ở tất cả các tập dữ liệu nghiên cứu, hệ số  $R^2$  đều đạt từ:  $0,789 \div 0,991$  và  $\text{Sig.} < 0,000^a$ . Cụ thể:

#### a) Trường hợp phân chia doanh nghiệp theo quy mô (xem Bảng 3)

Với mô hình (1) doanh nghiệp có thể kỳ vọng đạt được  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}} = 5,2\%$  trong khi đó các ngành công nghiệp nặng hiện nay tỷ suất này cũng chỉ dao động trong khoảng từ  $4\% - 5\%$ .

Hiện nay các doanh nghiệp quy mô vừa đang có  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}} = 9,1\%$ . Đây là mức tỷ suất khá cao so với ngành công nghiệp. Song các doanh nghiệp này có thể sử dụng mô hình (2) để cơ cấu nguồn vốn Nợ phải trả sao cho thỏa mãn kỳ vọng mong muốn cao hơn. Đối với các doanh nghiệp lớn đang có  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}} = 6,0\%$  nhưng theo mô hình (3) thì cần phải tăng cường đầu tư vào tài sản dài hạn để nâng hệ số D/E và  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}}$  mong muốn.

Và con đường nhanh nhất là tăng cường các hình thức tái cấu trúc doanh nghiệp. Đây cũng là một bước dịch chuyển cơ cấu giúp ngành dệt may miền Trung có thể thực hiện quy trình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu Sợi – Dệt nhuộm – May mặc.

**Bảng 3.** Mô hình tương quan giữa HSNO với các nhân tố ảnh hưởng theo quy mô doanh nghiệp

| Doanh nghiệp     | Mô hình tương quan giữa HSNO với các nhân tố ảnh hưởng theo quy mô DN                                                               |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. DN quy mô nhỏ | $\text{LnY} = - 4,204 + 0,384 \text{LnX}_1 + 0,129 \text{LnX}_2 - 1,478 \text{LnX}_3 + 1,985 \text{LnX}_4 - 0,571 \text{LnX}_5$ (1) |
| 2. DN quy mô vừa | $\text{LnY} = - 0,475 - 0,004 \text{LnX}_1 - 0,049 \text{LnX}_2 - 1,072 \text{LnX}_3 + 1,279 \text{LnX}_4 - 0,213 \text{LnX}_5$ (2) |
| 3. DN quy mô lớn | $\text{LnY} = - 2,275 + 0,178 \text{LnX}_1 + 0,433 \text{LnX}_2 - 1,157 \text{LnX}_3 + 1,385 \text{LnX}_4 - 0,240 \text{LnX}_5$ (3) |

#### b) Trường hợp phân chia doanh nghiệp theo công đoạn của ngành dệt may (xem Bảng 4)

Kết quả cho thấy công đoạn Sợi và May có  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}}$  khả quan hơn so với công đoạn Dệt. Và các doanh nghiệp khép kín Dệt – May là có  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}}$  khả quan nhất. Do vậy, đề tài này mong muốn đề xuất đến các doanh nghiệp ngành

dệt may cũng như các cấp lãnh đạo chính quyền nên chú trọng hơn nữa vào ngành Sợi. Nếu ngành Sợi được tập trung cao thì cũng là cơ hội và tiềm lực cho ngành Dệt và May tăng dần tính tự chủ và tiến đến khép kín quy trình sản xuất kinh doanh Dệt may.

**Bảng 4.** Phương trình biểu diễn mối quan hệ HSNO với các nhân tố ảnh hưởng theo công đoạn

| DN phân theo công đoạn ngành dệt may | Mô hình tương quan giữa HSNO với các nhân tố ảnh hưởng theo công đoạn ngành dệt may                                                 |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. DN công đoạn Sợi                  | $\text{LnY} = - 3,979 + 0,353 \text{LnX}_1 + 0,553 \text{LnX}_2 - 1,349 \text{LnX}_3 + 1,393 \text{LnX}_4 - 0,07 \text{LnX}_5$ (4)  |
| 2. DN công đoạn Dệt                  | $\text{LnY} = - 1,942 - 0,049 \text{LnX}_1 - 0,450 \text{LnX}_2 - 1,636 \text{LnX}_3 + 1,806 \text{LnX}_4 - 0,355 \text{LnX}_5$ (5) |
| 3. DN công đoạn May                  | $\text{LnY} = - 3,671 + 0,301 \text{LnX}_1 + 0,101 \text{LnX}_2 - 1,352 \text{LnX}_3 + 1,803 \text{LnX}_4 - 0,514 \text{LnX}_5$ (6) |
| 4. DN Dệt- May                       | $\text{LnY} = 1,134 - 0,041 \text{LnX}_1 + 1,217 \text{LnX}_2 - 0,524 \text{LnX}_3 + 1,416 \text{LnX}_4 - 0,801 \text{LnX}_5$ (7)   |

Trong khi đầu tư cho ngành Sợi, ta có thể áp dụng mô hình (4) để xây dựng cơ cấu vốn và tài sản cho doanh nghiệp được phù hợp.

Đối với các doanh nghiệp Dệt nên cân đối giữa máy móc thiết bị đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu với đầu tư bằng vốn vay theo mô hình (5). Như vậy sẽ tăng cường tận dụng được

lá chắn thuế.

Các doanh nghiệp ngành May mặc có thể áp dụng mô hình (6) để xây dựng cơ cấu vốn. Trong thực tế, nếu các doanh nghiệp May tăng cường đầu tư theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì sẽ tăng  $\text{TSLN/DT}_{\text{BQ}}$  và khả năng vay nợ cũng sẽ gia tăng. Những doanh nghiệp

khép kín công đoạn Dệt - May thường là doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng công nhân cũng nhiều. Sức ảnh hưởng của các doanh nghiệp này đến nền kinh tế địa phương và quốc gia rất lớn. Cơ cấu vốn của các doanh nghiệp Dệt – May có thể áp dụng theo mô hình (7). Theo mô hình (7), chỉ cần doanh nghiệp thay đổi TSLN/DT<sub>BQ</sub> thì lập tức sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng vay nợ của doanh nghiệp. Mặt khác, mô hình (7) còn cho thấy ưu điểm của việc tăng cường đầu tư tài sản dài hạn. Và con đường tăng cường đầu tư tài sản dài hạn hợp lý hiện nay là tăng cường tái cơ cấu lại doanh nghiệp và loại hình kinh doanh. Tăng cường đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại hóa và công nghiệp hóa.

#### **4. Kết luận**

Những kết quả trên sẽ thay đổi qua mỗi năm khi ta thêm vào chuỗi thông tin số liệu của một năm mới và kết quả tính toán theo phần mềm SPSS sẽ cho ra mô hình tương quan cơ cấu vốn khác hơn. Do vậy, qua nội dung trình bày, bài viết mong muốn được đề xuất một phương pháp xây dựng cơ cấu vốn để các doanh nghiệp dệt may miền Trung có thể đạt được kỳ vọng về lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận. Hy vọng điều này có thể ít nhiều góp phần vào sự phát triển hiệu quả và bền vững của ngành Dệt may Việt nam trong thời gian đến./.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] ASC- Europe Aid- HBBS; Báo cáo cập nhật ngành dệt may Việt Nam.
- [2] Vinatex – Phân tích tình hình dệt may Đà Nẵng 2011-2012.
- [3] Hiệp hội Dệt May Việt Nam, Tổng công ty Dệt May Việt Nam, Chiến lược tăng tốc phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2013-2015.
- [4] Tổng Cục Thống kê, số liệu thống kê từ 2008 đến 2012.

*(BBT nhận bài: 13/11/2013, phản biện xong: 27/11/2013)*